

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đăng

2. Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2021/TB-TLVA này 03 tháng 11 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: thị trấn P, huyện Đ, TP. Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Tổ 18, khu phố T, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy Th, sinh năm 1978; địa chỉ: Xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: Tổ 18, khu phố T, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông Th sống chung với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Năm 2009, vợ chồng chuyển vào sinh sống tại huyện Tân Thành (nay là thị Phú

Mỹ) thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm. Vào đầu năm 2020 ông Th đã đánh và đuổi bà T ra khỏi nhà. Cũng từ đó bà T dọn ra ngoài thuê phòng trọ để sinh sống, vợ chồng ly thân nhau, không ai còn quan tâm ai. Nay bà T không còn tình cảm gì với ông Th nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 10/11/2016. Bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông Th trực tiếp nuôi, lý do bà chưa có nơi cư trú ổn định. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Huy Th không đến Tòa án nên không thu thập được lời khai của ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn Huy Th hiện đang sinh sống tại tổ 18, khu phố T, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Huy Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Th là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của bà T và giấy chứng nhận kết hôn số 25/2005 của UBND xã Đông Ninh, có đủ cơ sở khẳng định: Bà T và ông Th tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2005 tại UBND xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng vợ chồng sống chung nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông Th không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Th thường xuyên ghen tuông vô cớ nên dẫn đến cãi nhau, vợ chồng đã ly thân, mỗi người sinh sống một nơi, không ai còn quan tâm ai. Căn cứ vào thực tế, bà T và ông Th không sống chung với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, bà T cương quyết ly hôn, xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, theo đơn xin xét xử vắng mặt thì ông Th cũng đồng ý ly hôn với bà T. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Th.

[2.2] Về nuôi con chung:

Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 10/11/2016, bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông Th nuôi. Xét thấy, mặc dù không thu thập được lời khai của ông Th nhưng bà T hiện chưa có nơi cư trú ổn định, ông Th là người đang trực tiếp nuôi 02 con chung, sinh hoạt của con chung ổn định. Do vậy, cần giao 02 con chung tên là Nguyễn Yến N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 10/11/2016 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con cho đến khi các con chung trưởng thành, mặc dù không thu thập được lời khai của ông Th. Tuy nhiên, xét đây là sự tự nguyện của bà T, việc cấp dưỡng nuôi con nhằm mục đích đảm bảo sinh hoạt cho con chung được tốt hơn nên cần ghi nhận việc cấp dưỡng này của bà T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết, còn ông Th không thu thập được lời khai nên không có căn cứ để giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và đình gia sơ thẩm và phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Nguyễn Huy Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Huy Th.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 10/11/2016.

+ Giao 02 con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 10/11/2016 cho ông Nguyễn Huy Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/01con, tổng số tiền cấp dưỡng hàng tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Sau khi ly hôn, bà T và ông Th đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác nhận không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

+ Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005550 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/01/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Phú Mỹ;
- CCTHADS TX. Phú Mỹ;
- UBND xã Đông Ninh, h. Khoái Châu,
tỉnh Hưng Yên;
(GCNKH: Số 25/2005, Quyển 01;
đăng ký: 13/10/2005)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Văn Cường